**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐỒNG THÁP (CẤP TỈNH)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 12 năm 2023*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

## A. VĂN HÓA

**A1. DI SẢN VĂN HÓA**

**1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện[[1]](#footnote-1)** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.003838.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam. | 20 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công Tỉnh tỉnh Đồng Tháp  số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.  **-** Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;  **-** Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 2.001613.000.00.00.H20 | Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.003793.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 30 ngày làm việc.  . | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 04 | 2.001591.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp. | 03 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009**.**  **-** Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;  **-** Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng BVHTTDL Ban hành kèm theo Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 05 | 1.003738.000.00.00.H20 | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | 30 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.  - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ  VHTT hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL (tại Điều 1: sửa đổi một số quy định tại Nghị định số 98 – điểm c, khoản 1, Điều 25; điểm a, khoản 1, Điều 26) | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 06 | 1.003646.000.00.00.H20 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích. | + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.  + Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.  + Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.  + Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.  + Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia. | nt | Không | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;  - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01/3/2011.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 07 | 1.001106.000.00.00.H20 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.  - Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=61/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL (bãi bỏ khoản 1, khoản 3, Điều 4 của Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016). | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 08 | 1.001123.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | 05 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.  - Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=61/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 09 | 1.001822.000.00.00.H20 | Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.  - Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=61/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 10 | 1.002003.000.00.00.H20 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.  - Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=61/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 11 | 1.003901.000.00.00.H20 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | 10 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.  - Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=61/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 12 | 2.001641.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.  - Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=61/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện[[2]](#footnote-2)** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 2.001631.000.00.00.H20 | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký.  Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | nt | Không | -Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12.  - Nghị định của Chính phủ: Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.  - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.  - Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  *Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.* | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.003835.000.00.00.H20 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật. | + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.  + Trong thời hạn 10 (mười ngày) kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.  + Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  + Trong thời hạn 30 (ba mươi) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.  + Trong thời hạn 10 (mười) kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.  + Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia. | nt | Không | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;  - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01/3/2011.  - Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  *Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.* | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A2. ĐIỆN ẢNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.011454 | Thủ tục cấp giấy phép phân loại phim | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Hành chính công Tỉnh tỉnh Đồng Tháp  số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022.  - Thông tư số 17/2022/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản trong hoạt động điện ảnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A3. MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM**

**1. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.001833.000.00.00.H20 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.001809.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật | 06 ngày làm việc | nt | Không | Điều 15 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật  Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp (Phụ lục kèm theo) | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.001778.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc, lãnh tụ | 07 ngày làm việc | nt |  | Điều 2 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 04 | 1.001755.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng | 07 làm việc hoặc 20 ngày làm việc với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ. | nt | Không | - Nghị định số [113/2013/NĐ-CP](http://www.bvhttdl.gov.vn/vn/vb-qly-nn/1/1730/index.html) ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.  - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 05 | 1.001738.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 36 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 06 | 1.001704.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 11 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 về Triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 07 | 1.001671.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 về Triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 08 | 1.001229.000.00.00.H20 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | 07 ngày  làm việc  hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 09 | 1.001211.000.00.00.H20 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 10 | 1.001191.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 11 | 1.001182.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 12 | 1.001147.000.00.00.H20 | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 17 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A4. NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**

**1. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.009397.000.00.00.H20 | Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp  công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) | 05 ngày làm việc | nt | Thông tư số 288/2016/TT-BTC | - Điều 9, 12 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | SVHTTDL\_VH40  (1.009398) | Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | SVHTTDL\_VH41  (1.009399) | Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 04 | SVHTTDL\_VH42  (1.009403) | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu | 05 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A5. VĂN HÓA CƠ SỞ**

**1. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.003676.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh | 20 ngày làm việc | nt | Không | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.003654.000.00.00.H20 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh | 15 ngày làm việc | nt | Không | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.001008.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 05 ngày làm việc | nt | Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 Bộ Tài chính | Điều 10 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 04 | 1.000922.000.00.00.H20 | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 04 ngày làm việc | nt | Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 Bộ Tài chính | Điều 12 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 05 | 1.004645.000.00.00.H20 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo | 13 ngày làm việc | nt | Không | Điều 36 của Luật quảng cáo số 16 ngày 21 tháng 6 năm 2012; | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình. |  |

**2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.004650.000.00.00.H20 | Thủ tục tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | 05 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công Tỉnh tỉnh Đồng Tháp  số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | Điều 29 và 30 của Luật quảng cáo số 16 ngày 21 tháng 6 năm 2012; Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.004639.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày làm việc | nt | 3.000.000 đồng/Giấy phép  (Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam) | Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.004666.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày | nt | 1.500.000 đồng/Giấy phép  (Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính) | Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 04 | 1.004662.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày | nt | 1.500.000 đồng/Giấy phép  (Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính) | Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A6. HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA**

**1. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.003784.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  (Thời gian  giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày làm việc) | nt | Không | Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;  - Sửa đổi theo Mẫu đơn số 3 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh)  - Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều  của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất  khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.003743.000.00.00.H20 | Thủ tục giám định văn hoá phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh | Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc | nt | Không | - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về  quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Điều 3 Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;  - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  -  Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.003560.000.00.00.H20 | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh | 10 ngày làm việc | nt | Điều 4 Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác | Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 2.001496.000.00.00.H20 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | 05 ngày làm việc | nt | Điều 4 Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. | Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  *+ Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đếngiấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.* | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A7. THI ĐUA KHEN THƯỞNG**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.001376 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” | Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.  - Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9. | nt | không | - Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.  - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.  - Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.001108 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” | Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.  - Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9 | nt | không | - Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.  - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.  - Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.001032 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể” | Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | nt | không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.  - Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 04 | 1.000971 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể” | Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | nt | không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013.  - Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 05 | 1.000871 | Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật | Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.  - Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9. | nt | Không | - Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”,“Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.  - Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.  - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 06 | 1.000564 | Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật | - Theo thời gian quy định trong Kế hoạch được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng.  - Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9. | nt | Không | - Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”,“Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.  - Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.  - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A8. THƯ VIỆN**

**1. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | SVHTTDL\_VH36  (1.008895) | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. | 15 ngày | nt | Không | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | SVHTTDL\_VH37  (1.008896) | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. | 15 ngày | nt | Không | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | SVHTTDL\_VH38  (1.008897) | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. | 15 ngày | nt | Không | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

**A9. GIA ĐÌNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** *(nếu có)* | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** *(nếu có)* | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.012080 | Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình | 10 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công Tỉnh tỉnh Đồng Tháp,  số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Chưa quy định | - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 02 | 1.012081 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình | 03 ngày làm việc | nt | Chưa quy định | - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 03 | 1.012082 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình | 10 ngày làm việc | nt | Chưa quy định | - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

#### B. THỂ DỤC THỂ THAO

**1. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 1 | 1.002445.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Hành chính công Tỉnh – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được HĐND Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp) | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 2 | 1.002396.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 3 | 1.003441.000.00.00.H20 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trrong giấy chứng nhận | 05 ngày làm việc | nt | Không | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 4 | 1.000983.000.00.00.H20 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng. | 05 ngày làm việc | nt | Không | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 5 | 1.000953.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 6 | 1.000936.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 7 | 1.000920.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 8 | 1.001195.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 9 | 1.000904.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 10 | 1.000883.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, lặn. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 11 | 1.000863.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & snooker. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 12 | 1.000847.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 13 | 1.000830.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 14 | 1.000814.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 15 | 1.000644.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 16 | 1.000842.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 17 | 1.005163.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 18 | 2.002188.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 19 | 1.000594.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 20 | 1.000560.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 21 | 1.000544.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn môn Võ cổ truyền và Vovinam. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 22 | 1.001213.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 23 | 1.000518.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 24 | 1.000501.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt. | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 25 | 1.000485.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 26 | 1.005357.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 27 | 1.001801.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 28 | 1.001500.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 29 | 1.005162.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 30 | 1.001517.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 31 | 1.001527.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 32 | 1.001056.000.00.00.H20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao | 07 ngày làm việc | nt | 700.000 đồng/giấy chứng nhận  (Mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu áp dụng cho các loại phí, lệ phí được Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định và đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (các đối tượng không thu, miễn thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành). Mức thu quy định tại Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023, được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025). | - Luật thể dục thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Luật phí và lệ phí số 97/2015QH13 ngày của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.  - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  - Nghị quyết 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Mức thu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 33 | 1.001782.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh | 10 ngày làm việc | nt | Không | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thế dục, Thể thao.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 34 | 1.002013.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | 10 ngày làm việc | nt | Không | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.  - Luật thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 35 | 1.002022.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức | 10 ngày làm việc | nt | Không | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.  - Luật thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

## C. DU LỊCH

**1. Danh mục TTHC giữ nguyên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 1 | 1.004528.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận điểm du lịch | - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch. | nt | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 2 | 2.001611.000.00.00.H20 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành. | -Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng, cơ quan cấp phép ban hành quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan chức năng về thanh tra, kiểm tra, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành  - Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh  dịch vụ lữ hành trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng  quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu  nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ  du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được  rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của  doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan  cấp phép phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan giải quyết theo quy  định của pháp luật | nt | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 11 năm 2021 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 3 | 2.001589.000.00.00.H20 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | -Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng, cơ quan cấp phép ban hành quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan chức năng về thanh tra, kiểm tra, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành  - Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh  dịch vụ lữ hành trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng  quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu  nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ  du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được  rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của  doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan  cấp phép phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan giải quyết theo quy  định của pháp luật | nt | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 11 năm 2021 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 4 | 1.003742.000.00.00.H20 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | nt | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 5 | 1.004605.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức. | nt | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần |  |
| 6 | 1.003490.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận Khu du lịch cấp tỉnh | - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định trình UBND Tỉnh.  - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, UBND Tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh, trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Trung tâm Hành chính công Tỉnh – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 7 | 1.004551.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, SVHTTDL thẩm định và công nhận; trường hợp trường hợp không cộng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | Trung tâm Hành chính công Tỉnh – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 1.000.000 đồng/hồ sơ. (Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;  - Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  - Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bọ VHTTDL sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần |  |
| 8 | 1.004503.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, SVHTTDL thẩm định và công nhận; trường hợp trường hợp không cộng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | nt | 1.000.000 đồng/hồ sơ. (Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017.  - Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  - Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bọ VHTTDL sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 9 | 1.001455.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, SVHTTDL thẩm định và công nhận; trường hợp trường hợp không cộng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | nt | 1.000.000 đồng/hồ sơ. (Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017.  - Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  - Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bọ VHTTDL sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần |  |
| 10 | 1.004580.000.00.00.H20 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, SVHTTDL thẩm định và công nhận; trường hợp trường hợp không cộng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | nt | 1.000.000 đồng/hồ sơ.  - (Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;  - Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  - Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bọ VHTTDL sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 11 | 1.004572.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, SVHTTDL thẩm định và công nhận; trường hợp trường hợp không cộng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | nt | 1.000.000 đồng/hồ sơ.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;  - Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch  - Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bọ VHTTDL sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến một phần |  |
| 12 | 1.004594.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1sao, 2 sao, 3 sao - đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch | Trong thời hạn 27 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, SVHTTDL chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội – nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không cộng nhận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Trung tâm kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. | - Hạng 1 sao, 2 sao là 1.500.000 đồng  - Hạng 3 sao là 2.000.000 đồng- (Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;  -Thông tư số: 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số  điều của Luật Du lịch.  -Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 13 | 1.003717 | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | - 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại  diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam  là thành viên.  - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | nt | 3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 14 | 1.003240 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện. | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | nt | 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 15 | 1.003275 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị huỷ hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu huỷ. | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | nt | 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 16 | 1.005161 | Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc  điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng  đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc  doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng  lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc  điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại  diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh  nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh  thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | nt | 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 17 | 1.003002 | Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | nt | 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 18 | 1.001837 | Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | nt | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định biểu mẫu thực hiện nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 19 | 2.001628.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | nt | 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023) | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành, có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023.  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 20 | 2.001616.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. | nt | 750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023) | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành, có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 21 | 2.001622.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | nt | 1.000.000 đồng/giấy phép  (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành, có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến tòan trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 22 | 1.001440.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra | nt | 100.000 đồng/thẻ  (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 23 | 1.004628.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | nt | 325.000 đồng/thẻ  (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 24 | 1.004623.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | nt | 325.000 đồng/thẻ  (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 25 | 1.001432.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 10 ngàykể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | nt | 325.000 đồng/thẻ  (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023 | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |
| 26 | 1.004614.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | nt | 325.000 đồng/thẻ  (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023). | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023. | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình | - Trực tiếp;  - Hoặc qua BCCI;  - Hoặc thông qua DVC trực tuyến toàn trình |  |

1. Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính. [↑](#footnote-ref-2)